

Số : 35/2008/QĐ - UBND

Lào Cai, ngày 08 tháng 8 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định một số điểm thực hiện
hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29/11/2005;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định số: 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Quyết định số: 44/2008/QĐ-TTg ngày 26/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 480/TTr-SKH ngày 01 tháng 8 năm 2008,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định một số điểm thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định số 34/2007/QĐ-UBND ngày 23/7/2007 của UBND tỉnh Lào Cai về việc Quy định một số điểm thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Hữu Vạn

QUY ĐỊNH

Một số điểm thực hiện hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 35/2008/QĐ-UBND
ngày 08 tháng 8 năm 2008 của UBND tỉnh Lào Cai)*

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Bản quy định này quy định một số điểm về thực hiện hoạt động đầu tư và triển khai hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các nội dung liên quan đến quản lý đầu tư không nêu trong bản quy định này được thực hiện theo các quy định của Luật Đầu tư năm 2005, Luật Doanh nghiệp năm 2005, Luật Xây dựng năm 2003, Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư, Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29/8/2006 của Chính phủ về đăng ký kinh doanh, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP ngày 29/9/2006 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 16/2005/NĐ-CP ngày 07/02/2005 của Chính phủ, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc ban hành các mẫu văn bản thực hiện đầu tư tại Việt Nam, Nghị định số 17/2006/NĐ-CP của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai, Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, Quyết định số 44/2008/QĐ-TTg ngày 26/3/2008 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai (sau đây viết tắt là Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, Nghị định số 88/2006/NĐ-CP, Nghị định số 16/2005/NĐ-CP, Nghị định số 112/2006/NĐ-CP, Quyết định số 1088/2006/QĐ-BKH) và các văn bản pháp luật khác có liên quan đến hoạt động đầu tư.

3. Bản quy định này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:

a) Hoạt động đầu tư ra nước ngoài; hoạt động đầu tư theo hình thức Hợp đồng xây dựng - kinh doanh - chuyển giao, Hợp đồng xây dựng - chuyển giao - kinh doanh, Hợp đồng xây dựng - chuyển giao.

b) Hoạt động đầu tư gián tiếp theo các hình thức mua cổ phần, cổ phiếu, trái phiếu và giấy tờ có giá trị khác, đầu tư chứng khoán và đầu tư thông qua định chế tài chính trung gian khác mà nhà đầu tư không tham gia trực tiếp vào quản lý, điều hành tổ chức kinh tế, được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và pháp luật có liên quan.

4. Hoạt động đầu tư có tính đặc thù quy định trong pháp luật chuyên ngành thì thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư và các pháp luật chuyên ngành đó.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Tất cả các nhà đầu tư quy định tại khoản 4 Điều 3 của Luật Đầu tư và các tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư quy định tại khoản 1 Điều 1 của Quy định này.

Điều 3. Trong quá trình hoạt động đầu tư đối với các dự án đầu tư có xây dựng, có nhu cầu sử dụng đất phải thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư, Luật Xây dựng, Luật Đất đai và pháp luật khác có liên quan.

Chương II

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

Mục 1

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỤ THỂ VỀ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ
BẰNG NGUỒN VỐN TRONG NƯỚC**

Điều 4. Các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Dự án đầu tư có liên quan đến xây dựng:

1.1. Nhà đầu tư không có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư:

a) Nhà đầu tư có văn bản đề nghị cơ quan quản lý quy hoạch cấp chứng chỉ quy hoạch để lập dự án:
+ Cơ quan đầu mối và tiếp nhận hồ sơ: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ và tổ chức lấy ý kiến các ngành liên quan, xem xét, tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh về phương án đăng ký đầu tư của nhà đầu tư.

+ Cơ quan cấp chứng chỉ quy hoạch hoặc giấy giới thiệu địa điểm đất:
- Tại các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai (Đồng Phố Mới, Bắc Duyên Hải, Tăng Loỏng): Ban quản lý các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai là cơ quan dự kiến địa điểm đất để lập dự án.

- Tại Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành: Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai là cơ quan giới thiệu dự kiến địa điểm đất để lập dự án.

- Tại Khu đô thị mới Lào Cai - Bam Đường: Ban quản lý xây dựng khu đô thị mới Lào Cai - Cam Đường là cơ quan cấp chứng chỉ quy hoạch để lập dự án.

- Tất cả các vị trí còn lại: Sở Xây dựng là cơ quan cấp chứng chỉ quy hoạch (đối với khu vực đã có quy hoạch được duyệt), hoặc giấy giới thiệu vị trí địa điểm đất để lập dự án sau khi có ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành và UBND huyện, thành phố có liên quan.

+ Số lượng hồ sơ: 04 bộ.

+ Hồ sơ bao gồm:

- Đơn đề nghị giới thiệu địa điểm hoặc cấp chứng chỉ quy hoạch của chủ đầu tư.

- Quyết định thành lập tổ chức hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

- Trích lục Bản đồ địa chính, trích đo thửa đất (có ý kiến của các cơ quan quản lý chuyên ngành và các huyện, thành phố có liên quan).

+ Thời gian trả kết quả tối đa là 07 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.

b) Nhà đầu tư tổ chức lập dự án đầu tư (trong trường hợp nhà đầu tư không đủ năng lực tư vấn thì thuê đơn vị tư vấn lập dự án) theo quy định của Luật Xây dựng, dự án bao gồm 2 phần: Phần thuyết minh và phần thiết kế cơ sở.

c) Nhà đầu tư gửi hồ sơ dự án đến các Sở quản lý chuyên ngành theo nội dung chuyên ngành của dự án để thẩm định thiết kế cơ sở theo quy định. Sau khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, nhà đầu tư tự tổ chức phê duyệt dự án. Trường hợp các công trình không phải lập dự án đầu tư mà chỉ lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật thì chủ đầu tư tổ chức lấy ý kiến các ngành có liên quan và tự tổ chức thẩm định thiết kế kỹ thuật - dự toán.

d) Sau khi phê duyệt dự án, lập thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công - dự toán, nhà đầu tư tiến hành thẩm định (nếu có đủ năng lực) hoặc thuê đơn vị tư vấn có đủ năng lực để thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật bản vẽ thi công - dự toán. Khi có kết quả thẩm tra, nhà đầu tư quyết định phê duyệt thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán.

e) Đối với các dự án đầu tư vào các Cụm Công nghiệp, nhà đầu tư làm thủ tục thuê đất, nhận bàn giao đất và Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ban quản lý các cụm công nghiệp tỉnh; các dự án đầu tư vào Khu thương mại Công nghiệp Kim Thành, nhà đầu tư làm thủ tục thuê đất, nhận bàn giao đất và nhận Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai. Đối với các vị trí còn lại, nhà đầu tư làm thủ tục thuê đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường (quy định tại Điều 20 Quy định này).

f) Khi có đủ thiết kế kỹ thuật thi công - dự toán được duyệt và hợp đồng thuê đất, nhà đầu tư đề nghị cấp phép xây dựng (quy định tại Điều 23 Quy định này) và tổ chức đấu thầu lựa chọn nhà thầu hoặc tự tổ chức thi công theo tiến độ dự án được phê duyệt.

1.2. Nhà đầu tư có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

a) Nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ gốc) gửi về cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Nội dung hồ sơ bao gồm:

- Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu ban hành tại Quyết định số: 1088/2006/QĐ-BKH).

- Chứng chỉ quy hoạch hoặc giấy giới thiệu địa điểm đất để lập dự án đầu tư.

- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu (đối với nhà đầu tư là cá nhân người nước ngoài) hoặc chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư trong nước.

- Báo cáo năng lực của nhà đầu tư (thể hiện qua thông tin cơ bản về chủ đầu tư) bao gồm: Các tài liệu về tư cách pháp lý; đăng ký kinh doanh; sơ đồ tổ chức bộ máy; nhân sự chủ chốt; về năng lực kinh nghiệm thực hiện dự án; năng lực tài chính, trong đó cần kê khai báo cáo quyết toán/kiểm toán của doanh nghiệp trong vòng 3 năm gần nhất (trừ các doanh nghiệp mới thành lập). Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về sự chính xác các thông tin khai báo trên.

- Giải trình kinh tế - kỹ thuật (Quy định tại phần 1.3 Điều này).

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét, xin ý kiến các ngành có liên quan, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư báo cáo trình UBND tỉnh Lào Cai xem xét có hay không cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư.

Trường hợp dự án đầu tư không được chấp thuận, cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư gửi thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do cho nhà đầu tư.

c) Sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư, nhà đầu tư triển khai các bước tiếp theo theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này.

1.3. Giải trình kinh tế kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau: Mục tiêu; quy mô, địa điểm đầu tư; vốn đầu tư; tiến độ thực hiện dự án; nhu cầu sử dụng đất; giải pháp về công nghệ; giải pháp về môi trường.

a) Phương án lựa chọn thiết bị công nghệ, nêu tóm tắt các ưu, khuyết điểm của từng phương án.

b) Các phương án thiết kế sơ bộ bao gồm: Các bản vẽ thiết kế sơ bộ về tổng mặt bằng, mặt đứng các công trình chính, các phương án kiến trúc đảm bảo được công năng sử dụng, tuổi thọ công trình phù hợp với tuổi thọ của dự án, sơ bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong khu vực dự án và các điểm đầu nối có liên quan, đủ điều kiện để xác định tổng mức đầu tư.

c) Tiến độ thực hiện dự án: Xác định rõ các mốc thời điểm chính như hoàn chỉnh phê duyệt dự án, đền bù giải phóng mặt bằng, xây dựng khu tái định cư, tái định canh, khởi công xây dựng công trình chính, hoàn thành và bàn giao đưa vào vận hành, khai thác (tiến độ xây dựng cụ thể cho từng quý).

d) Nhu cầu sử dụng đất: Diện tích đất, loại đất và tiến độ sử dụng đất cho cả đời dự án; sử dụng tạm thời trong thời gian thi công.

e) Giải pháp về môi trường theo đúng quy định của Luật Bảo vệ Môi trường.

f) Phương án phòng chống cháy nổ.

g) Vốn đầu tư: Nguồn vốn dự kiến huy động để thực hiện dự án và các cam kết cho vay vốn của tổ chức tín dụng; phân kỳ đầu tư phù hợp với từng giai đoạn thi công (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm về các thông tin khai báo).

h) Phương án đền bù giải phóng mặt bằng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dự án đầu tư không liên quan đến xây dựng:

a) Các dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không liên quan đến xây dựng và không có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì nhà đầu tư tự tổ chức lập và phê duyệt dự án để triển khai thực hiện.

b) Các dự án có quy mô vốn đầu tư dưới 15 tỷ đồng Việt Nam, không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện, không liên quan đến xây dựng có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì thực hiện theo quy định tại các điểm 1.2, 1.3 khoản 1 Điều này; tổ chức triển khai thực hiện dự án theo quy định tại điểm 1.1 khoản 1 Điều này (trừ các nội dung về thiết kế sơ bộ và các văn bản liên quan đến xây dựng).

Điều 5. Các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 15 tỷ đồng Việt Nam đến dưới 300 tỷ đồng Việt Nam không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

1. Dự án đầu tư không liên quan đến xây dựng:

a) Nhà đầu tư lập dự án đầu tư để đăng ký đầu tư, nộp 08 bộ hồ sơ (trong đó có 01 bộ gốc) tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư.

b) Nội dung hồ sơ dự án đăng ký đầu tư bao gồm:

- Bản đăng ký đầu tư (theo mẫu ban hành tại Quyết định số: 1088/2006/QĐ-BKH).

- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu hoặc chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư là cá nhân;

- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư (do nhà đầu tư lập và chịu trách nhiệm);

- Giải trình kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung quy định tại điểm 1.3 khoản 1 Điều 4 Quy định này (trừ các nội dung về thiết kế sơ bộ và các văn bản liên quan đến xây dựng).

Trường hợp nhà đầu tư có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì nội dung hồ sơ như điểm b khoản 1 Điều này và chỉ thay Bản đăng ký đầu tư bằng Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu ban hành tại Quyết định số: 1088/2006/QĐ-BKH).

2. Dự án đầu tư có xây dựng: Ngoài các nội dung như khoản 1 Điều này cần bổ sung các nội dung về thiết kế sơ bộ, các văn bản về xây dựng quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 Quy định này.

Điều 6. Các dự án đầu tư quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Tất cả các dự án đầu tư quy mô vốn đầu tư dưới 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện đều phải lập dự án đầu tư và phải được tổ chức thẩm tra trước khi UBND tỉnh xem xét cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1. Dự án đầu tư không liên quan đến xây dựng: Nội dung hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 46, nội dung thẩm tra theo khoản 2 Điều 46 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

2. Dự án đầu tư có xây dựng: Hồ sơ dự án ngoài các nội dung đã quy định tại khoản 1 Điều này cần bổ sung các nội dung về thiết kế sơ bộ và các văn bản liên quan đến xây dựng quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 Quy định này.

Nội dung hồ sơ dự án ngoài các yêu cầu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này cần bổ sung các tài liệu giải trình về khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật đối với lĩnh vực đầu tư có điều kiện quy định tại Điều 29 Luật Đầu tư.

Điều 7. Các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Tất cả các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng Việt Nam và không thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện đều phải lập dự án đầu tư và phải được tổ chức thẩm tra trước khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1. Dự án đầu tư không liên quan đến xây dựng: Nội dung hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 45, nội dung thẩm tra theo khoản 3 Điều 45 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

2. Đối với dự án đầu tư có xây dựng: Hồ sơ dự án ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này cần bổ sung các nội dung về thiết kế sơ bộ và các văn bản liên quan đến xây dựng theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 Quy định này.

Điều 8. Các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng Việt Nam trở lên và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện

Tất cả các dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư trên 300 tỷ đồng Việt Nam và thuộc lĩnh vực đầu tư có điều kiện đều phải lập dự án đầu tư và phải được tổ chức thẩm tra trước khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

1. Dự án đầu tư không liên quan đến xây dựng: Nội dung hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 47, nội dung thẩm tra theo khoản 2 Điều 47 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

2. Đối với dự án đầu tư có xây dựng: Hồ sơ dự án ngoài các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều này cần bổ sung các nội dung về thiết kế sơ bộ và các văn bản liên quan đến xây dựng theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 Quy định này.

Điều 9. Dự án đầu tư do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư

Tất cả các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư quy định tại Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, đều phải lập hồ sơ dự án để xem xét chấp thuận chủ trương đầu tư trước khi cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

1. Đề nghị phê duyệt chủ trương đầu tư của dự án:

a) Nhà đầu tư có nhu cầu đầu tư các dự án thuộc lĩnh vực do Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư. Nhà đầu tư gửi 10 bộ hồ sơ đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ, nội dung hồ sơ bao gồm:

- Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu ban hành tại Quyết định số: 1088/2006/QĐ-BKH).

- Chứng chỉ quy hoạch để lập dự án đầu tư.

- Văn bản xác nhận tư cách pháp lý của nhà đầu tư: Bản sao quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác đối với nhà đầu tư là tổ chức; bản sao hộ chiếu (đối với nhà đầu tư là cá nhân người nước ngoài) hoặc chứng minh nhân dân đối với nhà đầu tư trong nước.

- Báo cáo năng lực tài chính của nhà đầu tư: Báo cáo năng lực được thể hiện qua thông tin cơ bản về chủ đầu tư bao gồm: Các tài liệu về tư cách pháp lý; đăng ký kinh doanh; sơ đồ tổ chức bộ máy; nhân sự chủ chốt; về năng lực kinh nghiệm thực hiện dự án; năng lực tài chính, kỹ thuật, trong đó cần kê khai báo cáo quyết toán/kiểm toán của doanh nghiệp trong vòng 3 năm gần nhất (trừ các doanh nghiệp mới thành lập). Chủ đầu tư tự chịu trách nhiệm về sự chính xác thông tin khai báo trên.

- Phương án sơ bộ về dự án đầu tư.

- Các tài liệu giải trình về khả năng đáp ứng điều kiện mà dự án đầu tư phải đáp ứng theo quy định của pháp luật có liên quan.

b) Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến các ngành liên quan để báo cáo UBND tỉnh xem xét chấp thuận đối với các dự án thuộc danh mục quy định tại khoản 4 Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP; các trường hợp còn lại quy định tại khoản 5, khoản 6 Điều 37 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm xem xét, lấy ý kiến các ngành liên quan để báo cáo UBND tỉnh tổ chức lấy ý kiến của Bộ

quản lý ngành, Bộ Kế hoạch và Đầu tư cùng các cơ quan khác có liên quan để tổng hợp, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư của dự án.

2. Triển khai thực hiện sau khi có chủ trương đầu tư dự án: Nhà đầu tư nộp 08 bộ hồ sơ dự án (trong đó có 01 bộ gốc) tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Nội dung hồ sơ ngoài các quy định tại khoản 1 Điều này, cần bổ sung các nội dung đã quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 Quy định này.

Điều 10. Dự án đầu tư gắn với thành lập tổ chức kinh tế

Trong quá trình lập dự án đầu tư, nhà đầu tư phải làm thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với dự án đầu tư, căn cứ theo quy mô, loại hình dự án để áp dụng theo quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 Quy định này và hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan (quy định tại Điều 23 Quy định này).

Điều 11. Điều chỉnh dự án đầu tư

Chỉ thực hiện điều chỉnh dự án đầu tư khi có liên quan đến thay đổi mục tiêu, quy mô, địa điểm, hình thức, vốn, thời hạn thực hiện đầu tư mà không thay đổi tư cách pháp nhân nhà đầu tư.

Thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện theo quy định tại Điều 51, 52 của Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

Mục 2

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC ĐỐI VỚI DỰ ÁN
CÓ VỐN ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI**

Điều 12. Dự án có vốn đầu tư nước ngoài thực hiện theo hình thức liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh

Tuỳ theo quy mô vốn, loại hình dự án có xây dựng hay không có xây dựng hoặc lập dự án đầu tư kết hợp cùng đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ căn cứ vào các nội dung đã quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Quy định này và nội dung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 54, 55 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

Điều 13. Dự án đầu tư trực tiếp theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp

Tuỳ theo quy mô vốn, loại hình dự án có xây dựng hay không có xây dựng hoặc dự án đầu tư kết hợp cùng đăng ký thành lập doanh nghiệp sẽ căn cứ vào các nội dung đã quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10 Quy định này và nội dung của hợp đồng liên doanh hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh thực hiện theo quy định tại Điều 56 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

Mục 3

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ THỦ TỤC SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC
ĐỂ ĐẦU TƯ, KINH DOANH**

Điều 14. Tất cả các dự án sử dụng vốn Nhà nước để đầu tư, kinh doanh đều phải lập dự án đầu tư để thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư

1. Dự án đầu tư sử dụng vốn Nhà nước phải được cấp có thẩm quyền thẩm định chấp thuận sử dụng vốn Nhà nước để đầu tư. Sau khi được cơ quan có thẩm quyền thẩm định và chấp thuận sử dụng vốn Nhà nước để đầu tư theo quy định tại Điều 59 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, chủ đầu tư thực hiện thủ tục đầu tư theo quy định để được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

2. Hồ sơ dự án sử dụng vốn Nhà nước để đầu tư, kinh doanh ngoài các quy định tại các Điều 4, 5, 6, 7, 8, 9 Quy định này và văn bản chấp thuận việc sử dụng vốn Nhà nước để đầu tư là tài liệu bắt buộc phải có trong hồ sơ đăng ký đầu tư và hồ sơ thẩm tra đầu tư.

Điều 15. Hồ sơ thẩm định đối với dự án đầu tư có sử dụng vốn Nhà nước để đầu tư, kinh doanh

1. Hồ sơ dự án đầu tư có sử dụng vốn Nhà nước, không liên quan đến xây dựng: Thực hiện theo quy định tại Điều 60 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Hồ sơ dự án đầu tư có sử dụng vốn Nhà nước, có xây dựng: Ngoài các quy định theo quy định tại khoản 1 Điều này cần bổ sung các nội dung theo quy định tại điểm 1.2 khoản 1 Điều 4 Quy định này.

Mục 4

**MỘT SỐ QUY ĐỊNH KHÁC VỀ THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ
VÀ TỔ CHỨC KINH DOANH**

Điều 16. Triển khai dự án đầu tư

1. Dự án đầu tư không liên quan đến xây dựng:

a) Trường hợp có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư: Nhà đầu tư sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư tổ chức triển khai thực hiện theo thời gian, tiến độ và mục tiêu đã được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư.

b) Trường hợp dự án đầu tư không có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thì nhà đầu tư tự triển khai theo đúng tiến độ đã đăng ký và thực hiện việc báo cáo theo quy định; nhà đầu tư gửi 01 bộ hồ sơ dự án đến Sở Kế hoạch và Đầu tư để theo dõi, quản lý trong quá trình hoạt động của dự án.

2. Dự án đầu tư có xây dựng: Nhà đầu tư lập dự án đầu tư hoàn chỉnh theo quy định của Luật Xây dựng, gửi đến các sở chuyên ngành tổ chức thẩm định thiết kế cơ sở. Khi có kết quả thẩm định thiết kế cơ sở, nhà đầu tư tổ chức thẩm định phần thuyết minh dự án và phê duyệt dự án đầu tư để triển khai các bước theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Quy định này. Trừ các dự án đầu tư chỉ lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật do nhà đầu tư tự thẩm định, trước khi phê duyệt phải có ý kiến của các ngành có liên quan đến quy hoạch, môi trường, an ninh quốc phòng.

Điều 17. Chế độ báo cáo tiến độ triển khai dự án

1. Khi triển khai thực hiện dự án đầu tư kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư (đối với dự án có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư) hoặc kể từ ngày nộp đăng ký đầu tư (đối với dự án không có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư) đều phải báo cáo về Sở Kế hoạch và Đầu tư theo định kỳ 3 tháng một lần.

2. Nội dung báo cáo bao gồm: Tiến độ thực hiện, những tồn tại, vướng mắc trong quá trình thực hiện và các yêu cầu cần được xử lý vướng mắc...

Nhà đầu tư gửi kèm theo các Quyết định phê duyệt dự án, phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán...

3. Thời gian thực hiện dự án đầu tư được tính kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư đối với dự án có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư và kể từ ngày nộp bản đăng ký đầu tư đối với các dự án không có nhu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 18. Chuyển nhượng dự án

Thực hiện theo quy định tại Điều 66 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, trong quá trình chuyển nhượng dự án không được thay đổi hình thức, vốn, tiến độ triển khai dự án, mục tiêu, quy mô và địa điểm của dự án.

Điều 19. Chấm dứt lập dự án đầu tư; tạm dừng, giãn tiến độ thực hiện dự án và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư

1. Chấm dứt lập dự án đầu tư:

Các dự án đầu tư trong thời gian lập dự án đầu tư: Các dự án đầu tư sau khi nộp tại cơ quan tiếp nhận đầu tư, nếu sau ba lần yêu cầu bổ sung hoàn thiện hồ sơ mà nhà đầu tư không hoàn chỉnh hồ sơ dự án theo quy định, cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án sẽ ra thông báo trả lại dự án đầu tư và coi như chấm dứt việc lập dự án của nhà đầu tư. Thời gian chỉnh sửa hồ sơ tối đa một lần chỉnh sửa hồ sơ, được tính cụ thể như sau:

a) Các dự án thuộc diện đăng ký đầu tư thời gian là 15 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ, nhà đầu tư không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mà không có lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

b) Các dự án thuộc diện thẩm tra cấp Giấy chứng nhận đầu tư thời gian là 25 ngày làm việc kể từ ngày có thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ, nhà đầu tư không bổ sung, hoàn thiện hồ sơ mà không có lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận.

2. Tạm dừng, giãn tiến độ thực hiện dự án và chấm dứt hoạt động của dự án đầu tư:

Thực hiện theo quy định tại Điều 67, 68 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP. Quá trình tạm dừng, giãn tiến độ và chấm dứt đầu tư, các nhà đầu tư phải thực hiện đúng quy định về chế độ báo cáo để làm cơ sở pháp lý cho quá trình xem xét các đề nghị về tạm dừng, giãn tiến độ và chấm dứt đầu tư.

Các dự án đầu tư sau khi được cấp Giấy chứng nhận đầu tư và các dự án không có yêu cầu cấp Giấy chứng nhận đầu tư, thời gian triển khai được tính kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc kể từ ngày nộp đăng ký đầu tư và triển khai thực hiện theo quy định sau:

a) Các dự án không thực hiện chế độ báo cáo từ hai quý trở lên và kết quả kiểm tra của cơ quan có thẩm quyền kết luận là nhà đầu tư không triển khai hoặc triển khai chậm quá 6 tháng so với tiến độ được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư, UBND tỉnh sẽ ra thông báo lần thứ nhất.

b) Các dự án đã được UBND tỉnh thông báo lần thứ nhất mà vẫn không thực hiện chế độ báo cáo hoặc không triển khai hoặc triển khai chậm quá 9 tháng so với tiến độ được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư, UBND tỉnh sẽ ra thông báo lần thứ hai.

c) Thông báo lần thứ ba và thu hồi: Các dự án đã được thông báo lần thứ hai vẫn không thực hiện chế độ báo cáo hoặc không triển khai hoặc triển khai chậm quá 12 tháng so với tiến độ được quy định trong Giấy chứng nhận đầu tư mà không có lý do chính đáng được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản, UBND tỉnh sẽ ra thông báo thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và chấm dứt hoạt động đầu tư đối với nhà đầu tư.

d) Các dự án đầu tư có vi phạm các quy định tại Điều 68 Nghị định số 108/2006/NĐ-CP, UBND tỉnh sẽ ra thông báo thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư và chấm dứt hoạt động đầu tư đối với nhà đầu tư.

3. Xử lý sau khi thu hồi Giấy chứng nhận đầu tư: Nhà đầu tư căn cứ theo quy định của pháp luật phá sản doanh nghiệp, Luật Doanh nghiệp và các pháp luật khác có liên quan để tiến hành triển khai thực hiện.

Điều 20. Cho thuê đất

1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả:

- Tại Cụm công nghiệp Đông Phố Mới, Bắc Duyên Hải, Tầng Loong: Nhà đầu tư làm thủ tục thuê đất tại Ban quản lý các Cụm công nghiệp tỉnh.

- Tại Khu thương mại - Công nghiệp Kim Thành: Nhà đầu tư làm thủ tục thuê đất tại Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Lào Cai.

- Tất cả các vị trí còn lại: Nhà đầu tư làm thủ tục thuê đất tại Sở Tài nguyên và Môi trường.

2. Hồ sơ đề nghị thuê đất:

Nhà đầu tư nộp 02 bộ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ. Nội dung hồ sơ bao gồm:

- Đơn xin thuê đất, Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Văn bản thoả thuận địa điểm hoặc văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản đồng ý cho xây dựng công trình của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa điểm đất đã được xác định;

- Quyết định dự án đầu tư hoặc bản sao Giấy chứng nhận đầu tư có công nhận của Công chứng Nhà nước; trường hợp dự án đầu tư của tổ chức, cá nhân không sử dụng vốn ngân sách nhà nước hoặc không phải dự án đầu tư nước ngoài thì phải kèm theo 01 bộ hồ sơ dự án (bản sao có công chứng);

- Bản kê khai và tự nhận xét về chấp hành pháp luật đất đai của đơn vị xin giao đất, thuê đất đối với toàn bộ diện tích đất đã được giao, cho thuê trước đó;

- Trường hợp thuê đất để thăm dò, khai thác khoáng sản thì phải có đơn xin thăm dò, khai thác khoáng sản kèm theo bản đồ khu vực xin thăm dò, khai thác khoáng sản hoặc giấy phép kèm theo bản đồ thăm dò, khai thác mỏ (đối với trường hợp không thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của UBND tỉnh); báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc bản đăng ký đạt tiêu chuẩn môi trường được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của Luật Môi trường.

3. Thời gian trả kết quả tối đa là 20 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không kể thời gian giải phóng mặt bằng và thời gian người sử dụng đất thực hiện nghĩa vụ tài chính).

Đối với dự án đầu tư vào khu vực chưa được giải phóng mặt bằng thì phải thực hiện xong việc thu hồi đất, giải phóng mặt bằng mới tiến hành cho thuê đất.

Điều 21. Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng đối với dự án thuộc trường hợp Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án

- Căn cứ hồ sơ xin thuê đất của chủ đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với các ngành liên quan xác minh thực địa; trích lục bản đồ địa chính hoặc trích đo địa chính khu đất gửi UBND huyện, thành phố nơi có đất thu hồi để lập phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng.

UBND huyện, thành phố nơi có đất thu hồi có trách nhiệm: Chỉ đạo các ngành chức năng của địa phương (có sự tham gia của chủ đầu tư) lập phương án tổng thể bồi thường, giải phóng mặt bằng trình phê duyệt theo quy định; thông báo cho các chủ sử dụng đất biết lý do thu hồi đất, thời gian di chuyển và bàn giao đất bị thu hồi, dự kiến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt; chỉ đạo thực hiện công tác thu hồi đất, bồi thường, giải phóng mặt bằng theo đúng trình tự quy định hiện hành.

Sở Tài nguyên Môi trường có trách nhiệm hoàn tất các thủ tục thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất, cho thuê đất trình UBND tỉnh phê duyệt theo đúng trình tự và thời gian quy định của Luật Đất đai.

Điều 22. Đánh giá tác động môi trường

Tuỳ thuộc theo quy mô, lĩnh vực dự án đầu tư, nhà đầu tư phải lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Bản cam kết bảo vệ môi trường trình cấp có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số: 21/2008/NĐ-CP ngày 28/02/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số: 80/2006/NĐ-CP ngày 09/8/2006 của Chính phủ về việc quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

1. Thời điểm trình thẩm định, phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được quy định như sau:

a) Chủ dự án đầu tư khai thác khoáng sản trình báo cáo đánh giá tác động môi trường để được thẩm định, phê duyệt trước khi xin cấp giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Chủ dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc có hạng mục xây dựng công trình trình báo cáo đánh giá tác động môi trường để được thẩm định, phê duyệt trước khi xin cấp giấy phép xây dựng, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này.

c) Chủ các dự án đầu tư không thuộc các đối tượng quy định tại các điểm a và b khoản này trình báo cáo đánh giá tác động môi trường để được thẩm định, phê duyệt trước khi khởi công dự án.

2. Thời điểm đăng ký, xác nhận bản cam kết bảo vệ môi trường được quy định như sau:

a) Chủ dự án đầu tư khai thác khoáng sản đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường để được xác nhận trước khi xin cấp Giấy phép khai thác khoáng sản;

b) Chủ dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc có các hạng mục xây dựng công trình đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường để được xác nhận trước khi xin cấp Giấy phép xây dựng, trừ các dự án quy định tại điểm a khoản này;

c) Chủ các dự án đầu tư không thuộc các đối tượng quy định tại các điểm a và b của khoản này đăng ký bản cam kết bảo vệ môi trường để được xác nhận trước khi khởi công dự án.

Điều 23. Cấp phép xây dựng công trình

Các công trình xây dựng trước khi khởi công phải có giấy phép xây dựng theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số: 16/2005/NĐ-CP và Nghị định số: 112/2006/NĐ-CP, trừ những công trình không phải cấp giấy phép xây dựng quy định tại Khoản 2 Mục I Phần II Thông tư số: 02/2007/TT-BXD ngày 14/02/2007 của Bộ Xây dựng.

Hoạt động cấp phép xây dựng công trình thực hiện theo các quy định tại Điều 17, 18, 19 của Nghị định số: 16/2005/NĐ-CP.

Điều 24. Phối hợp giữa các cơ quan trong đăng ký kinh doanh, khắc dấu, cấp giấy chứng nhận mẫu dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng:

- Phối hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế, Công an tỉnh Lào Cai trong việc đăng ký kinh doanh, cấp Giấy chứng nhận đầu tư, đăng ký mã số thuế, khắc dấu, cấp giấy chứng nhận mẫu dấu (sau đây gọi chung là thủ tục hành chính); trình tự giải quyết việc đăng ký kinh doanh thành lập mới doanh nghiệp; đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện; đăng ký thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn tới thay đổi nội dung đăng ký thuế hoặc thay đổi mẫu dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện.

- Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân đề nghị đăng ký kinh doanh, cấp Giấy chứng nhận đầu tư, đăng ký mã số thuế, khắc dấu, cấp giấy chứng nhận mẫu dấu khi thành lập doanh nghiệp mới, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh, nội dung đăng ký mã số thuế, thay đổi mẫu dấu; Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục thuế, Công an tỉnh Lào Cai.

2. Hồ sơ, lệ phí, trả kết quả cho doanh nghiệp:

2.1. Bộ hồ sơ chung:

a) Trường hợp đăng ký kinh doanh, thành lập mới doanh nghiệp, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, bộ hồ sơ chung bao gồm các giấy tờ như sau:

- Các giấy tờ đăng ký kinh doanh thành lập doanh nghiệp, thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH ngày 19/10/2006 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số nội dung về hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký kinh doanh theo quy định tại Nghị định số 88/2006/NĐ-CP (sau đây viết tắt là Thông tư số 03/2006/TT-BKH);

- Các giấy tờ đăng ký mã số thuế cho doanh nghiệp thành lập mới theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/1006/TT-BTC ngày 14/02/2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Quyết định số 75/1998/QĐ-TTg ngày 04/4/1998 của Thủ tướng Chính phủ quy định về mã số đối tượng nộp thuế (sau đây viết tắt là Thông tư số 10/2006/TT-BTC).

b) Trường hợp thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh dẫn đến thay đổi nội dung đăng ký mã số thuế, thay đổi mẫu dấu của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, bộ hồ sơ chung bao gồm các giấy tờ sau:

- Các giấy tờ thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh theo hướng dẫn tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH.

- Các giấy tờ thay đổi đăng ký mã số thuế của doanh nghiệp (trừ bản sao giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) theo hướng dẫn tại Thông tư số 10/2006/TT-BTC.

2.2. Lệ phí đăng ký kinh doanh, lệ phí chứng nhận mẫu dấu tính theo quy định.

2.3. Trả kết quả:

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp một bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và 02 bản sao cho doanh nghiệp để doanh nghiệp tự đi khắc dấu tại cơ sở khắc dấu và đăng ký mã số thuế tại Cục thuế tỉnh.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ CƠ QUAN TIẾP NHẬN HỒ SƠ VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC NGÀNH

Điều 25. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trách nhiệm của các ngành

1. Đối với hoạt động đầu tư.

1.1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ:

a) Các dự án đầu tư vào Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai (cụm CN Đông Phố Mới, Bắc Duyên Hải, Tăng Loong): UBND tỉnh Lào Cai giao cho Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, Ban quản lý các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai là cơ quan tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án, sau đó chuyển cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến các ngành và xem xét, báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

b) Dự án đầu tư vào địa bàn tỉnh Lào Cai ngoài Khu thương mại - Công nghiệp Kim Thành và các Cụm công nghiệp của tỉnh, bao gồm cả các dự án đầu tư đã được Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư, tổ chức lấy ý kiến các ngành và xem xét, báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

1.2. Trách nhiệm của các ngành về hoạt động đầu tư:

a) Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai:

- Dự án đầu tư ngoài Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành và các Cụm công nghiệp của tỉnh Lào Cai: Sở Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án đầu tư và làm các thủ tục đầu tư theo quy định của Nghị định số: 108/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2006 của Chính phủ, viết giấy biên nhận sau khi nhận được văn bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư. Đối với dự án không thuộc diện phải thẩm tra đầu tư, trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ phải báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư hoặc phải có thông báo bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư. Đối với dự án thuộc diện phải thẩm tra đầu tư thì sau 25 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ phải báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư. Trường hợp đặc biệt tối đa không quá 30 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- Dự án đầu tư vào Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai: Đối với dự án không thuộc diện thẩm tra đầu tư, trong thời hạn 12 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ từ Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, Ban quản lý các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến các ngành và xem xét, báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư hoặc phải có thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư. Riêng đối với dự án thuộc diện phải thẩm tra đầu tư thì sau 20 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ hợp lệ từ Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, Ban quản lý các cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai, Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến các ngành và xem xét, báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do không được cấp Giấy chứng nhận đầu tư cho nhà đầu tư. Trường hợp đặc biệt tối đa không quá 27 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

b) Trách nhiệm của Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, Ban quản lý các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai:

- Hướng dẫn trình tự, thủ tục đầu tư cho các nhà đầu tư vào Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai.

- Cấp chứng chỉ quy hoạch để lập dự án cho nhà đầu tư: Khi nhà đầu tư có Bản đăng ký đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư gửi đến, Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, Ban quản lý các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai có trách nhiệm xem xét, đối chiếu với quy hoạch chi tiết của Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, quy hoạch chi tiết của các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai đã được phê duyệt để dự kiến giới thiệu địa điểm đất lập dự án hoặc thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do không giới thiệu được cho nhà đầu tư. Sau khi được UBND tỉnh đồng ý về phương án đăng ký đầu tư sẽ cấp chính thức chứng chỉ quy hoạch cho nhà đầu tư lập dự án.

- Là cơ quan đầu mối tiếp nhận hồ sơ dự án đầu tư vào Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành và các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai, có trách nhiệm kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án đầu tư, đồng thời có văn bản tham gia ý kiến về dự án, sau đó gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức xem xét hoặc thẩm tra dự án để báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư hoặc cho phép đăng ký đầu tư.

Thời gian tổ chức xem xét, kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ dự án đầu tư cụ thể như sau: Dự án đầu tư thuộc diện đăng ký đầu tư là 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra đầu tư là 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, đồng thời có văn bản tham gia ý kiến gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư.

- Số lượng hồ sơ dự án nộp đến Sở Kế hoạch và Đầu tư: Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, Ban quản lý các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai giữ lại 01 bộ hồ sơ dự án đầu tư (bản sao), còn lại chuyển đến Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lấy ý kiến các ngành có liên quan về dự án.

c) Trách nhiệm của các ngành có liên quan:

- Các dự án đầu tư không thuộc diện thẩm tra: Khi có văn bản đề nghị tham gia ý kiến về dự án đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ngành có liên quan như: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên - Môi trường, Công thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố... trong thời hạn 05 ngày làm việc (được tính từ khi nhận được văn bản) phải trả lời bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về chuyên ngành của mình quản lý, kể cả các dự án đầu tư vào các địa điểm chưa có quy hoạch được duyệt để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, xem xét, báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

- Các dự án đầu tư thuộc diện thẩm tra: Khi có văn bản xin ý kiến của Sở Kế hoạch và Đầu tư, các ngành có liên quan như: Xây dựng, Tài chính, Tài nguyên - Môi trường, Công thương, Giao thông Vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành phố... trong thời hạn 07 ngày làm việc (được tính từ khi nhận được văn bản) phải trả lời bằng văn bản cho Sở Kế hoạch và Đầu tư về chuyên ngành của mình quản lý, kể cả các dự án đầu tư vào các địa điểm chưa có quy hoạch được duyệt để Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, xem xét, báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

Nếu quá thời hạn quy định mà cơ quan được hỏi không có ý kiến bằng văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư thì coi như đã chấp thuận dự án và phải chịu trách nhiệm về các nội dung thuộc lĩnh vực quản lý của đơn vị theo quy định của pháp luật.

2. Đối với hoạt động phối hợp giữa các cơ quan trong đăng ký kinh doanh, khắc dấu, cấp Giấy chứng nhận mẫu dấu đối với doanh nghiệp thành lập, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp

2.1. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả thực hiện các thủ tục hành chính:

- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lào Cai là cơ quan tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định.

- Tổ chức, cá nhân có thể nhận các mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh, tờ khai mã số thuế tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ Sở Kế hoạch và Đầu tư.

2.2. Trách nhiệm của các ngành:

a) Sở Kế hoạch và Đầu tư niêm yết công khai tại địa điểm tiếp nhận hồ sơ các mẫu giấy đề nghị đăng ký kinh doanh tại Thông tư số 03/2006/TT-BKH; Nghị định số 88/2006/NĐ-CP, các giấy tờ cấp Giấy chứng nhận đầu tư thực hiện Nghị định số 108/2006/NĐ-CP; Quyết định số 1088/QĐ-BKH.

- Trình tự, thủ tục hành chính về đăng ký kinh doanh, đăng ký mã số thuế, dấu, giấy chứng nhận mẫu dấu; cung cấp mẫu hồ sơ giấy tờ và hướng dẫn cho doanh nghiệp quy trình thủ tục.

- Lệ phí đăng ký kinh doanh, lệ phí chứng nhận mẫu dấu, giá của từng loại dấu.

b) Cục thuế, Công an tỉnh có trách nhiệm hướng dẫn trình tự, thủ tục và cung cấp mẫu hồ sơ liên quan đến đăng ký thuế, khắc dấu, cấp giấy chứng nhận mẫu dấu và những thay đổi, bổ sung về đăng ký mã số thuế, khắc dấu, cấp giấy chứng nhận mẫu dấu cho Sở Kế hoạch và Đầu tư để cung cấp cho doanh nghiệp.

2.3. Phối hợp giải quyết thủ tục hành chính giữa các cơ quan:

- Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Kế hoạch và Đầu tư cấp 01 bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và 02 bản sao cho doanh nghiệp để doanh nghiệp tự đi khắc dấu tại cơ sở khắc dấu và đăng ký mã số thuế tại Cục thuế tỉnh.

- Doanh nghiệp nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tự đi khắc dấu và đăng ký mẫu dấu với Công an tỉnh để được tiến hành đồng thời mở tài khoản tại Ngân hàng. Sau khi hoàn thành các thủ tục trên thì đến cơ quan Thuế kê khai bổ sung tài khoản vào tờ khai đăng ký thuế, đóng dấu vào tờ khai tại cơ quan Thuế. Trong thời hạn 03 ngày làm việc Cục Thuế cấp mã số thuế cho doanh nghiệp.

Điều 26. Xử lý chuyển tiếp

1. Các nhà đầu tư có nhu cầu đến đầu tư và kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai thực hiện theo Quy định này.

2. Đối với các dự án đầu tư vào Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai.

- Đối với các dự án đầu tư vào Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai đã được UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đầu tư mà đến ngày 01/3/2008 chưa nộp tiền thuê đất và tiền san tạo mặt bằng, Ban quản lý Khu kinh tế cửa khẩu tỉnh Lào Cai, Ban quản lý các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai có trách nhiệm rà soát, đối chiếu với quy hoạch điều chỉnh, báo cáo UBND tỉnh xem xét, quyết định.

- Đối với các dự án đầu tư đã đăng ký đầu tư vào Khu Thương mại - Công nghiệp Kim Thành, các Cụm công nghiệp tỉnh Lào Cai nhưng chưa được UBND tỉnh Lào Cai cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì thực hiện theo Quy định này.

3. Các dự án đầu tư đã được UBND tỉnh Lào Cai chấp thuận chủ trương đầu tư trước thời điểm Nghị định số 108/2006/NĐ-CP có hiệu lực:

a) Các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư hoàn chỉnh sơ bộ dự án đầu tư để báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định về chủ trương đầu tư của dự án.

b) Các dự án còn lại: Tiếp tục hoàn thiện hồ sơ theo thời gian quy định tại văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư. Nếu hết thời hạn lập dự án đã quy định trong văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư không nộp hồ sơ hợp lệ tại cơ quan tiếp nhận hồ sơ mà không có lý do chính đáng được UBND tỉnh Lào Cai chấp thuận thì văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư của UBND tỉnh hết hiệu lực. Đối với các dự án đã được UBND tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư nhưng trong văn bản không ghi rõ thời gian hết hiệu lực của văn bản thì thời gian nộp hồ sơ dự án để trình UBND tỉnh xem xét, cấp Giấy chứng nhận đầu tư tối đa là 6 tháng kể từ ngày quy định này có hiệu lực.

4. Các dự án đầu tư đã được UBND tỉnh Lào Cai chấp thuận đầu tư, nếu nhà đầu tư có yêu cầu được cấp Giấy chứng nhận đầu tư thì gửi Bản đề nghị cấp Giấy chứng nhận đầu tư (theo mẫu ban hành tại Quyết định số: 1088/2006/QĐ-BKH) và Quyết định chấp thuận đầu tư của UBND tỉnh Lào Cai cùng báo cáo quá trình triển khai thực hiện từ khi có quyết định chấp thuận đầu tư, trong đó phải nêu được những thuận lợi, khó khăn về đầu tư đến cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét, báo cáo UBND tỉnh cấp Giấy chứng nhận đầu tư theo quy định.

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy định này, nếu có gì vướng mắc yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Sở Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

CHỦ TỊCH

(đã ký)

Nguyễn Hữu Vạn